

Kon Tum, ngày tháng năm 2023

Số: /BC- ĐĐBQH

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Thực hiện Nghị quyết số 47/2022/QH15 ngày 06/6/2022 của Quốc hội về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2023 và các văn bản triển khai hoạt động giám sát của Quốc hội, Đoàn giám sát của Quốc hội⁽¹⁾; Đoàn ĐBQH tỉnh Kon Tum đã giám sát qua Báo cáo của UBND tỉnh và 07/10 UBND các huyện và thành phố Kon Tum²; đại biểu Quốc hội trong Đoàn đã đi khảo sát, nắm tình hình thực hiện tại một số cơ quan, đơn vị⁽³⁾, Đoàn ĐBQH tỉnh Kon Tum báo cáo như sau.

Phần 1

ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Đặc điểm tự nhiên.

Kon Tum là tỉnh miền núi, biên giới, ở phía Bắc Tây Nguyên có diện tích tự nhiên gần 9.677 km²; toàn tỉnh có 10 đơn vị hành chính cấp huyện với 102 xã, phường, thị trấn (trong đó có 13 xã biên giới giáp Lào và Campuchia). Tỉnh có đường biên giới dài 292,522 km (giáp Lào 154,222 km, giáp Campuchia 138,3 km).

Tỉnh Kon Tum thuộc khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, giáp vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, kết nối trực tiếp với hành

⁽¹⁾ Kế hoạch số 248/KH-UBTVQH15 ngày 04/8/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc triển khai thực hiện Chương trình giám sát của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2023; Nghị quyết số 52/2022/QH15 ngày 14/6/2022 của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”; Kế hoạch chi tiết số 345/KH-ĐGS ngày 24/11/2022 của Đoàn giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”;....

⁽²⁾ Không thành lập Đoàn giám sát.

⁽³⁾ UBND các huyện: Đăk Glei, Tu Mơ Rông và Kon Rẫy; UBND các xã Đăk Kroong (huyện Đăk Glei), Đăk Ang (huyện Ngọc Hồi) và Tu Mơ Rông (huyện Tu Mơ Rông); các sở, ngành: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc tỉnh.

lang kinh tế Đông - Tây (Myanma - Thái lan - Lào - Campuchia - Việt Nam); là điểm khởi đầu của trục phát triển kinh tế Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn. Tỉnh Kon Tum được coi là điểm nổi quan trọng giữa vùng Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; có vị trí chiến lược hết sức quan trọng về quốc phòng, an ninh và là khu vực bảo vệ môi trường sinh thái quan trọng của cả nước.

2. Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội.

Năm 2022, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (theo giá so sánh 2010) ước đạt 17.627 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó: Nông - Lâm - Thủy sản tăng 6,19%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 14,88%; Dịch vụ tăng 8,03%; GRDP bình quân đầu người tăng từ 46,78 triệu đồng năm 2021 lên 52,44 triệu đồng năm 2022. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt gần 4.015 tỷ đồng, đạt 144,1% dự toán Trung ương giao. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55,7%; tạo việc làm cho 6.858 lao động. Hộ nghèo toàn tỉnh còn 15.943 hộ, chiếm tỷ lệ 10,86% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh, trong đó có 15.215 hộ nghèo dân tộc thiểu số; số hộ thoát nghèo đạt 6.781 hộ, tương ứng tỷ lệ giảm hộ nghèo là 4,46%.

Về cơ sở hạ tầng: Hệ thống đường huyện, đường giao thông nông thôn ở các huyện và hệ thống điện được quan tâm đầu tư. Đến nay, toàn tỉnh có khoảng 6.092 km giao thông đường bộ; 100% số xã, phường có điện quốc gia; số thôn có lưới điện quốc gia đạt 100%, số hộ có lưới điện quốc gia gần đạt 99,7%; có 605 công trình thủy lợi kiên cố vừa và nhỏ, trong đó có 48 hồ chứa nước với tổng dung tích toàn bộ là 83,48x106m³. Hiện 07 đô thị trên địa bàn tỉnh có hệ thống cấp nước sạch tập trung và đang tiếp tục thực hiện đầu tư nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước hiện có. Trên địa bàn tỉnh có Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Bờ Y; 04 khu công nghiệp; 08 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động. Hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh được nâng cấp, đáp ứng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành được an toàn, thông suốt. Mạng lưới bưu chính, viễn thông được đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ,...

Dân số toàn tỉnh khoảng 569.000 người với 43 dân tộc, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 54%; có 07 dân tộc thiểu số tại chỗ⁽⁴⁾; trên 42% dân số theo các tôn giáo. Lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao được quan tâm đầu tư, phát triển đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân. Hạ tầng cơ sở và trang thiết bị khám, chữa bệnh được đầu tư, nâng cấp, mạng lưới y tế từng bước được sắp xếp tinh gọn, hiệu quả; chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân được nâng lên, đã có 100% trạm y tế đã có bác sỹ; 99% xã đã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Mạng lưới cơ sở giáo dục các cấp học được sắp xếp hợp lý. Công tác xây dựng trường đạt

⁽⁴⁾ 07 tộc người đã sinh sống lâu đời ở Kon Tum, bao gồm: Ba Na, Xơ Đăng, Gia Rai, Giẻ Triêng, Brâu, Rơ Măm, Hre. Trong 07 tộc người này có số lượng dân cư cũng rất chênh lệch. Có 02 tộc người trên 6 vạn dân là Xơ Đăng và Ba Na; 03 tộc người dưới 5 vạn (gồm: Gia Rai, Giẻ Triêng, Hre); đặc biệt có 02 tộc người có dân số chỉ trên 500 người là tộc người Rơ Măm và Brâu.

chuẩn quốc gia tiếp tục được chú trọng. Đến nay, toàn tỉnh có 189 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông năm học 2022-2023 của tỉnh đạt 97,49%.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN

1. Mục tiêu chung.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia (*sau đây viết tắt là MTQG*) trên cơ sở huy động và lồng ghép, tích hợp các nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Qua đó, nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân; phấn đấu thực hiện đạt và vượt mức các chỉ tiêu được Trung ương giao.

- Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; từng bước thay đổi diện mạo nông thôn, cấu trúc lại ngành nông nghiệp, tạo lập các cơ hội việc làm, mô hình sản xuất kinh doanh; tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, với tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”; giữ vững quốc phòng, an ninh, góp phần đưa tỉnh Kon Tum phát triển nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025.

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giai đoạn 2022-2025 vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 4%; phấn đấu trên 26 xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (*tỷ lệ xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn đạt trên 50%*); có 21 thôn ra khỏi địa bàn thôn đặc biệt khó khăn (*tỷ lệ thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn đạt 51,2%*); 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất; 20% hộ dân tộc thiểu số trở lên tham gia vào hợp tác xã; cơ bản hoàn thành công tác bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn, thiên tai sạt lở; 100% thôn, làng có nhà rộng truyền thống được sửa chữa, trùng tu định kỳ; trên 90% hộ dân tộc thiểu số sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều toàn tỉnh giảm bình quân 4%/năm. Trong đó, chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm trên địa bàn các huyện, thành phố như sau: Huyện Tu Mơ Rông 8%; huyện Kon Plông 8%; huyện Ia H'Drai 8%; huyện Kon Rẫy 6,6%; huyện Đăk Glei 6%; huyện Sa Thầy 6%; huyện Đăk Hà 3,43%; huyện Đăk Tô 3%; huyện Ngọc Hồi 0,94%; thành phố Kon Tum 0,73%.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Toàn tỉnh có từ 60 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Trong các xã đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu có ít nhất 01 thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; 100% số xã đạt chuẩn 15 tiêu chí trở lên; các xã mỗi năm đạt thêm từ 1-2 tiêu chí trở lên theo bộ tiêu chí quốc gia xây

dựng nông thôn mới; 100% xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng Luật Hợp tác xã. Có 04 huyện và thành phố Kon Tum đạt chuẩn nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Phần đầu có 50% số thôn (làng) vùng đồng bào dân tộc thiểu số được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí thôn nông thôn mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện.

a) Ngân sách nhà nước bố trí thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tối thiểu gần 5.986 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 4.930,3 tỷ đồng, bao gồm:
- + Vốn đầu tư phát triển: 2.888,3 tỷ đồng;
- + Vốn sự nghiệp: 2.042 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách địa phương: 1.055,5 tỷ đồng.

Trong quá trình điều hành, địa phương tiếp tục cân đối ngân sách địa phương để ưu tiên hỗ trợ thêm cho các chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và có giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn hợp pháp để thực hiện.

b) Tổng vốn huy động nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 dự kiến khoảng 10.858 tỷ đồng, với cơ cấu cụ thể như sau:

- Vốn ngân sách Trung ương bố trí trực tiếp để thực hiện các chương trình: 4.930,3 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách địa phương: Dự kiến khoảng 1.055,5 tỷ đồng.
- Vốn tín dụng (*đư nợ cho vay trên địa bàn các xã giai đoạn 2021-2025*): Dự kiến khoảng 1.531,9 tỷ đồng.
- Vốn lồng ghép (*giữa các chương trình mục tiêu quốc gia; giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác*), huy động khác (*doanh nghiệp, đóng góp tự nguyện của người dân và cộng đồng*): Dự kiến khoảng 3.303,3 tỷ đồng.

(cụ thể từng chương trình có Phụ lục 03 gửi kèm)

III. VỀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN.

Tiến độ xây dựng, ban hành thể chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG của bộ, ngành Trung ương chưa đảm bảo, nhiều nội dung, hoạt động đến nay các cơ quan Trung ương chưa có hướng dẫn triển khai thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung, gây khó khăn và ảnh hưởng đến việc triển khai, cụ thể hóa các quy định tại địa phương cũng như ảnh hưởng đến các khâu phân bổ, giao kế hoạch thực hiện, giải ngân vốn các chương trình. Đến tháng 3/2022, công tác phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương của các chương trình mới cơ bản hoàn thành. Tiến độ ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện của các cơ quan Trung ương chủ chương trình, chủ dự án thành phần chưa hoàn thành đồng bộ, kịp thời (*đến tháng 8/2022 mới hoàn thành đầy đủ các*

thông tư hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp của 03 chương trình). Bên cạnh đó, hệ thống và số lượng văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình, nội dung quy định, dẫn chiếu đến nhiều văn bản khác, gây khó khăn trong nghiên cứu, áp dụng (chi tiết tại Phụ lục 01A gửi kèm).

Phần 2

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY THỰC HIỆN.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025⁽⁵⁾; ban hành Quy chế hoạt động⁽⁶⁾, Chương trình công tác năm 2022⁽⁷⁾ phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan thành viên của Ban chỉ đạo; thành lập 03 Tổ công tác và chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động của các Tổ công tác các chương trình MTQG; tiếp tục duy trì Văn phòng điều phối Chương trình nông thôn mới cấp tỉnh, cấp huyện theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; 10/10 huyện, thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, đồng thời ban hành quy chế hoạt động để triển khai thực hiện. Ở cấp xã, các địa phương đã triển khai công tác kiện toàn, thành lập Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã, Ban phát triển thôn đảm bảo năng lực quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc các chương trình MTQG và quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ. Đến nay, công tác kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và cơ quan giúp việc các cấp được thực hiện kịp thời, đảm bảo cho công tác điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

II. VỀ BAN HÀNH VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THEO THẨM QUYỀN.

1. Triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình MTQG⁽⁸⁾, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình MTQG⁽⁹⁾, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư⁽¹⁰⁾ và ban

⁽⁵⁾ Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽⁶⁾ Quyết định số 671/QĐ-BCĐ ngày 10/3/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh.

⁽⁷⁾ Quyết định số 1666/QĐ-BCĐ ngày 01/6/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh.

⁽⁸⁾ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020; Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021; Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021.

⁽⁹⁾ Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020; Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021; Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021.

⁽¹⁰⁾ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022.

hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các chương trình MTQG⁽¹¹⁾... Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã kịp thời ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai, cụ thể hóa,... đảm bảo đầy đủ, kịp thời, phục vụ tốt việc quản lý, điều hành, hướng dẫn thực hiện 03 chương trình MTQG⁽¹²⁾.

2. Ban hành văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư các chương trình, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định của Trung ương; tỉnh Kon Tum đã chủ động, tập trung triển khai xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình trên địa bàn. Đến nay, tỉnh Kon Tum đã ban hành cơ bản đầy đủ, kịp thời các văn bản quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Cụ thể như sau:

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 24 nghị quyết (*trong đó có 15 nghị quyết quy phạm pháp luật*).

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 33 quyết định (*trong đó có 04 quyết định quy phạm pháp luật*), 02 chỉ thị, 34 chương trình, kế hoạch,...

(chi tiết tại Phụ lục 01B gửi kèm)

Tiến độ xây dựng, ban hành thể chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG của bộ, ngành Trung ương chưa đảm bảo, gây khó khăn và ảnh hưởng đến việc triển khai, cụ thể hóa các quy định tại địa phương cũng như ảnh hưởng đến các khâu phân bổ, giao kế hoạch thực hiện, giải ngân vốn các chương trình⁽¹³⁾.

Việc xây dựng, ban hành một khối lượng lớn các văn bản trong điều kiện thiếu nhiều hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương; phải tích hợp nhiều chính

⁽¹¹⁾ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022.

⁽¹²⁾ Như các Văn bản số: 2571/UBND-KTTH ngày 17/7/2020 triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội; 3883/UBND-KTTH ngày 13/10/2020 triển khai Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; 3247/UBND-NNTN ngày 13/9/2021 triển khai các Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025; 3737/UBND-NNTN ngày 18/10/2021 triển khai Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; 4427/KH-UBND ngày 14/12/2021 triển khai Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; 611/UBND-NNTN ngày 04/3/2022 triển khai Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; 980/UBND-NNTN ngày 08/ 4/2022 triển khai Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ;...

⁽¹³⁾ Đến tháng 3/2022, công tác phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương của các chương trình mới cơ bản hoàn thành. Tiến độ ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện của các cơ quan Trung ương chủ chương trình, chủ dự án thành phần chưa hoàn thành đồng bộ, kịp thời; đến tháng 8/2022 mới hoàn thành đầy đủ các thông tư hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp của 03 chương trình.

sách khác nhau liên quan đến nhiều cơ quan, nhiều ngành; vừa phải kịp thời đáp ứng tiến độ, vừa phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định có liên quan là sự nỗ lực rất cao của địa phương. Tuy vậy, một số quy định hoàn thiện và ban hành trong thời gian ngắn dẫn đến thiếu chặt chẽ, chưa đầy đủ nên phải điều chỉnh, bổ sung khi cơ quan Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn mới.

Ngày 24/6/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các bộ, ngành Trung ương mới ban hành 05 thông tư⁽¹⁴⁾, 04 văn bản hướng dẫn⁽¹⁵⁾; Bộ Tài chính sắp ban hành các thông tư sửa đổi, bổ sung 03 thông tư quy định quản lý, sử dụng vốn sự nghiệp 03 Chương trình MTQG,... Do đó, địa phương phải rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành cho phù hợp với các quy định mới của Trung ương vừa ban hành.

III. VỀ LẬP KẾ HOẠCH, PHÂN BỐ NGÂN SÁCH VÀ THỰC HIỆN DỰ TOÁN

1. Tình hình lập kế hoạch, thẩm định, phê duyệt, giao dự toán thực hiện các chương trình MTQG hàng năm và trung hạn 5 năm giai đoạn và 2021-2025.

a) Về vốn ngân sách Trung ương: Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình MTQG được Thủ tướng Chính phủ giao⁽¹⁶⁾, Hội đồng nhân dân tỉnh⁽¹⁷⁾, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum⁽¹⁸⁾ đã phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện các chương trình MTQG đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của Trung ương với tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 đã phân bổ, giao cho các đơn vị, địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là 2.888.334 triệu đồng (*bao gồm 135.670 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung*), bằng 100% kế hoạch vốn Trung ương giao⁽¹⁹⁾.

b) Về vốn ngân sách địa phương: Căn cứ quy định về tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của Thủ

⁽¹⁴⁾ Của các Bộ: Thông tin và Truyền thông; Lao động, Thương binh và Xã hội; Y tế và Ủy ban Dân tộc.

⁽¹⁵⁾ Của các Bộ: Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế.

⁽¹⁶⁾ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

⁽¹⁷⁾ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/6/2022; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

⁽¹⁸⁾ Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 29/6/2022; Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

⁽¹⁹⁾ Trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 1.741.871 triệu đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 637.726 triệu đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 508.737 triệu đồng.

tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh⁽²⁰⁾, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum⁽²¹⁾ đã giao tổng mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021-2025 là 688.377 triệu đồng (*vốn sự nghiệp giai đoạn 2021-2025 chưa có cơ sở để xác định mức đối ứng*). Hiện nay, địa phương đang rà soát, cân đối nguồn ngân sách các cấp để bố trí đối ứng đảm bảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, trong đó kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh⁽²²⁾ đã bố trí được 230.947 triệu đồng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (*chưa tính nguồn ngân sách cấp huyện, xã*).

2. Tình hình phân bổ, giao kế hoạch và giải ngân vốn ngân sách nhà nước năm 2022 và năm 2023.

a) Về vốn ngân sách Trung ương: Căn cứ dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 và năm 2023 thực hiện 03 chương trình MTQG được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phân bổ, giao dự toán ngân sách trung ương và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 và năm 2023 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện 03 chương trình MTQG đảm bảo theo yêu cầu, tiến độ của trung ương, với tổng dự toán 2.141.534 triệu đồng⁽²³⁾ (*vốn đầu tư phát triển 1.347.566 triệu đồng, vốn sự nghiệp 793.968 triệu đồng*), bằng 100% dự toán trung ương giao. Đồng thời, chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thành các thủ tục giao vốn, phê duyệt dự án, dự toán chi tiết và xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, phân đầu thực hiện giải ngân kế hoạch vốn với tỷ lệ cao nhất.

(cụ thể từng chương trình có Phụ lục 06 gửi kèm)

b) Về vốn ngân sách địa phương: Tổng kế hoạch vốn ngân sách địa phương đã cân đối bố trí đối ứng, lồng ghép thực hiện các chương trình khoảng 465.216 triệu đồng⁽²⁴⁾. Hiện nay, địa phương đang tiếp tục rà soát, cân đối nguồn

⁽²⁰⁾ Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 về việc Ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 về việc Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Số 23/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 về việc ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽²¹⁾ Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 29/6/2022; Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

⁽²²⁾ Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum.

⁽²³⁾ Dự toán năm 2022 đã giao là 898.432 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 672.411 triệu đồng, vốn sự nghiệp 226.021 triệu đồng*).

Dự toán năm 2023 đã giao là 1.243.102 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 675.155 triệu đồng, vốn sự nghiệp 567.947 triệu đồng*).

⁽²⁴⁾ Năm 2022 là 319.979 triệu đồng; năm 2023 là 145.237 triệu đồng (*chưa bao gồm vốn đầu tư ngân sách cấp huyện, xã*).

ngân sách các cấp để bố trí đối ứng đảm bảo theo quy định. Tính đến ngày 30/6/2023, đã giải ngân kế hoạch năm 2022 được 524.632 triệu đồng, đạt 58,39% dự toán Trung ương giao; giải ngân kế hoạch năm 2023 được 274.819 triệu đồng, đạt 22,11%.

3. Công tác lập kế hoạch thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 5 năm; công tác lồng ghép nguồn vốn thực hiện.

Căn cứ quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành Kế hoạch số 4362/KH-UBND ngày 23/12/2022 về thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025. Trong đó, đã xác định cụ thể mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 5 năm; nhiệm vụ cụ thể theo dự án thành phần từng chương trình; khả năng huy động vốn thực hiện các chương trình; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình tại địa phương; nội dung, hoạt động, dự kiến mức vốn bố trí, cơ cấu nguồn vốn theo từng hoạt động; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù; danh mục dự án đầu tư ưu tiên và giải pháp huy động nguồn vốn, tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định (*chi tiết tại Phụ lục 02, 03, 04, 05 gửi kèm*).

Phần 3

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUNG.

Sau 2 năm triển khai thực hiện, các chương trình MTQG đã tạo được những bước chuyển biến tích cực: Kinh tế xã hội ở vùng sâu, vùng xa đã có bước phát triển; bộ mặt nông thôn chuyển biến tích cực, có nhiều khởi sắc; Cơ sở hạ tầng các huyện, xã nghèo, khó khăn được cải thiện đáng kể, các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, trường lớp học đã phát huy tốt hiệu quả đầu tư, đẩy mạnh phát triển sản xuất, ổn định đời sống của Nhân dân trên địa bàn các huyện nghèo, các xã khó khăn; tỷ lệ hộ đói nghèo, thất nghiệp, thiếu việc làm và các tệ nạn xã hội giảm dần; trình độ dân trí, chất lượng nguồn lao động được nâng cao; chính trị, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Việc triển khai thực hiện các phong trào thi đua đã được thực hiện khẩn trương, đồng bộ, nghiêm túc, kịp thời với nhiều biện pháp, nội dung phù hợp, sát với thực tế và đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo tầng lớp Nhân dân. Thông qua triển khai thực hiện các phong trào đã có tác dụng tích cực trong việc thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn tỉnh.

Mặt khác, thông qua các chương trình MTQG, hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư mở rộng, đưa vào sử dụng đã góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; góp phần giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, tạo chuyển

biến tích cực về xây dựng môi trường văn hóa, nâng cao đời sống văn hóa của các tầng lớp nhân dân, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA CỤ THỂ

1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030⁽²⁵⁾.

1.1. Kết quả thực hiện của các dự án, tiểu dự án.

Căn cứ dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 và năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được Thủ tướng Chính phủ giao; tỉnh Kon Tum đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo theo tiến độ của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với nguồn lực được Trung ương giao (*cụ thể kết quả thực hiện của các dự án, tiểu dự án của Chương trình có Phụ lục 07 gửi kèm*).

1.2. Kết quả phân bổ và giải ngân vốn so với kế hoạch.

Căn cứ dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 và năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được Thủ tướng Chính phủ giao Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phân bổ, giao dự toán ngân sách Trung ương và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 và năm 2023 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện chương trình đảm bảo theo yêu cầu, tiến độ của Trung ương với tổng dự toán 1.292.507 triệu đồng (*trong đó: vốn đầu tư phát triển 753.521 triệu đồng, vốn sự nghiệp 538.986 triệu đồng⁽²⁶⁾*). Đồng thời, chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thành các thủ tục giao vốn, phê duyệt dự án, dự toán chi tiết và xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, phấn đấu thực hiện giải ngân kế hoạch vốn với tỷ lệ cao nhất.

Tính đến ngày 30/6/2023, đã giải ngân vốn kế hoạch năm 2022 là 257.639 triệu đồng, đạt 54,67% dự toán Trung ương giao; giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 là 187.559 triệu đồng, đạt 22,84% dự toán Trung ương giao; Ước tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân vốn năm 2022 khoảng 444.485 triệu đồng, đạt 94,31%; giải ngân vốn năm 2023 khoảng 715.585 triệu đồng, đạt 87,14%.

1.3. Kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình: Ước thực hiện đến hết năm 2023 có khoảng 05 xã ra khỏi xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

⁽²⁵⁾ Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 07/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 92 xã, phường, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*xã khu vực I, II, III*), trong đó có 52 xã đặc biệt khó khăn và có 371 thôn đặc biệt khó khăn thuộc phạm vi thực hiện Chương trình. Các đối tượng thụ hưởng Chương trình gồm: hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã... hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

⁽²⁶⁾ Dự toán năm 2022 đã giao là 471.305 triệu đồng (*trong đó: vốn đầu tư phát triển 323.925 triệu đồng, vốn sự nghiệp 147.380 triệu đồng*). Dự toán năm 2023 đã giao là 821.202 triệu đồng (*trong đó: vốn đầu tư phát triển 429.596 triệu đồng, vốn sự nghiệp 391.606 triệu đồng*).

Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có đất ở ước đạt 98,55%. Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có đất sản xuất ước đạt 98,45%. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1.4. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện nội dung thành phần, các chương trình chuyên đề.

- Tiến độ thực hiện các nội dung, hoạt động và giải ngân kinh phí thực hiện chương trình còn thấp so với dự kiến kế hoạch đề ra. Công tác rà soát, xác định và xây dựng nhiệm vụ, nội dung thực hiện chương trình đối với một số tiểu dự án, dự án còn khó khăn.

- Bố trí nguồn lực cho chính sách chưa phù hợp với mục tiêu, nội dung và thời gian thực hiện chính sách. Năm 2021, không bố trí vốn chương trình MTQG; năm 2022 bố trí vốn muộn so với thời hạn lập dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm gây nhiều khó khăn cho các địa phương trong cân đối xác định nguồn lực đối ứng từ ngân sách địa phương, trong việc huy động nguồn lực hợp pháp để thực hiện chương trình; khó khăn trong công tác tổng hợp nhu cầu từ cấp trực thuộc để xác định danh mục dự án đầu tư trình Hội đồng nhân dân tỉnh. Một số nội dung dự án hỗ trợ sản xuất hết thời vụ, triển khai các dự án đầu tư vào mùa mưa nên giải ngân kế hoạch vốn gặp khó khăn.

- Một số nội dung quy định, hướng dẫn tại một số văn bản do các bộ, cơ quan Trung ương ban hành chưa cụ thể, rõ ràng nên địa phương gặp khó khăn trong việc triển khai thực hiện⁽²⁷⁾.

- Quá trình thực hiện các chương trình MTQG, địa phương phải thực hiện nhiều chế độ, hình thức báo cáo khác nhau với dung lượng, nội dung báo cáo

(27)

- Điều 22, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa quy định cụ thể tiêu chí xác định “*thời gian chưa túc được lương thực*”, chưa quy định cụ thể “*mức hỗ trợ gạo theo diện tích, số khẩu phù hợp với thực tế địa phương*”; đối với từng hoạt động lâm nghiệp, chưa quy định “*cơ quan thẩm định, phê duyệt dự án trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng*”.

- Điều 17, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về hỗ trợ khoán bảo vệ rừng không có đối tượng là Ban quản lý rừng đặc dụng. Nhưng theo quy định Tiểu Dự án 1 và Dự án 3 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, có hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng. Tại Khoản 5, Điều 17 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT lại quy định sử dụng kinh phí được hỗ trợ bảo vệ rừng theo quy định tại Điều 8 (*kinh phí từ nguồn vốn Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, không phải nguồn kinh phí từ Tiểu Dự án 1, Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG*) để thực hiện khoán bảo vệ rừng cho đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều này (Điều 17).

- Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 38 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 4/3/2022 của Bộ Tài chính quy định hỗ trợ trọn gói cho mô hình là 3 triệu đồng (*trang thiết bị ban đầu: Loa cầm tay, Loa kéo, Micro...*) là chưa đảm bảo; Điểm b, Khoản 7, Điều 23 của Thông tư số 15/2022/TT-BTC “*Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp*” đối với một số hoạt động tổ chức hội chợ, kết nối giao thương, các hoạt động quảng cáo, tuyên truyền, xây dựng các tài liệu quảng bá.

Khoản 1 Điều 45 Thông tư 02/2022/TT-UBND quy định như sau: “Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan và UBND cấp tỉnh thống nhất biên soạn, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số”, Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn thực hiện nội dung theo quy định này.

theo yêu cầu của các cơ quan Trung ương rất lớn đã gây áp lực cho đội ngũ cán bộ, công chức tại các đơn vị, địa phương, đặc biệt ở cấp huyện và xã làm ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu, tham mưu tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ thuộc chương trình⁽²⁸⁾.

- Một số đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến báo cáo và đề xuất những tồn tại trong việc thực hiện nhiệm vụ của từng chương trình, dự án; tổng hợp báo cáo chưa đầy đủ theo đề cương, biểu mẫu hướng dẫn, báo cáo còn thiếu thông tin, thiếu nguồn vốn, chậm tiến độ, dẫn đến khó khăn trong công tác tổng hợp báo cáo định kỳ cho cấp có thẩm quyền.

1.5. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

a) Nguyên nhân khách quan

- Do cơ chế chính sách quy định, hướng dẫn thực hiện chương trình giai đoạn 2021-2025 chưa được kịp thời và đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện, cũng như có nhiều quy định, chính sách mới nên việc tiếp cận, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện còn gặp khó khăn.

- Việc ban hành các văn bản quản lý, tổ chức thực hiện chương trình của Ủy ban Dân tộc và một số bộ, ngành còn chậm và chưa đầy đủ, đồng bộ; một số bộ, ngành chủ trì tiểu dự án, dự án chưa ban hành văn bản hướng dẫn, giao cụ thể chỉ tiêu, mục tiêu cho một số tiểu dự án, dự án thuộc chương trình. Một số dự án (*Tiểu dự án 1, Dự án 3; Tiểu dự án 3, Dự án 5*) phân bổ dự toán lớn so với nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ chi theo đối tượng, nội dung thực tế, gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện ở địa phương.

- Chương trình có nhiều dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần; nhiều ngành quản lý; địa bàn, đối tượng rộng; chính sách cơ chế thực hiện khác nhau.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Các địa phương chưa có các giải pháp thiết thực để huy động, tăng cường nguồn lực đầu tư cho chương trình (*chủ yếu vẫn phụ thuộc vào ngân sách Trung ương*) như giải pháp phân bổ ngân sách địa phương, huy động sự tham gia hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

- Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện chương trình còn chậm, chưa kịp thời.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

2.1. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

a) Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020

⁽²⁸⁾ Các bộ, cơ quan Trung ương chủ quản 03 chương trình MTQG; các bộ, cơ quan Trung ương chủ dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc 03 chương trình MTQG; báo cáo phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG;...

Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh là 9.072 hộ, chiếm tỷ lệ 6,32% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh; tổng số hộ cận nghèo là 7.876 hộ và chiếm tỷ lệ 5,49% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh⁽²⁹⁾.

b) Kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh là 15.943 hộ và chiếm tỷ lệ 10,86% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh; tổng số hộ cận nghèo toàn tỉnh là 8.857 hộ và tỷ lệ hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ 6,03% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh⁽³⁰⁾.

2.2. Kết quả triển khai các dự án thành phần thuộc chương trình.

Căn cứ dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 và năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được Thủ tướng Chính phủ giao, tỉnh Kon Tum đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo theo tiến độ của chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với nguồn lực được Trung ương giao (*cụ thể kết quả thực hiện của các dự án, tiểu dự án của chương trình có Phụ lục 08 gửi kèm*).

2.3. Kết quả giải ngân vốn so với kế hoạch.

Căn cứ dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 và năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phân bổ, giao dự toán ngân sách Trung ương và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 và năm 2023 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện chương trình đảm bảo theo yêu cầu, tiến độ của Trung ương với tổng dự toán 549.487 triệu đồng (*trong đó: vốn đầu tư*

(29) Kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo ở các huyện nghèo:

(1) Huyện Tu Mơ Rông: Tổng số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 1.591 hộ, chiếm tỷ lệ 23,38% so với tổng số hộ dân toàn huyện; tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 365 hộ, chiếm tỷ lệ 5,23 % so với tổng số hộ dân toàn huyện.

(2) Huyện Kon Plông: Tổng số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 769 hộ, chiếm tỷ lệ 10,18% so với tổng số hộ dân toàn huyện; tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 407 hộ, chiếm tỷ lệ 5,39 % so với tổng số hộ dân toàn huyện.

(3) Huyện Ia H'Drai: Tổng số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 576 hộ, chiếm tỷ lệ 18,22% so với tổng số hộ dân toàn huyện; tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 675 hộ, chiếm tỷ lệ 21,35 % so với tổng số hộ dân toàn huyện.

(30) Kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều ở các huyện nghèo:

(1) Huyện Tu Mơ Rông: Tổng số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 2.859 hộ, chiếm tỷ lệ 41,06% so với tổng số hộ dân toàn huyện; Tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 432 hộ, chiếm tỷ lệ 6,20 % so với tổng số hộ dân toàn huyện.

(2) Huyện Kon Plông: Tổng số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 2.744 hộ, chiếm tỷ lệ 36,00% so với tổng số hộ dân toàn huyện; Tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 852 hộ, chiếm tỷ lệ 11,18 % so với tổng số hộ dân toàn huyện.

(3) Huyện Ia H'Drai: Tổng số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 711 hộ, chiếm tỷ lệ 20,64% so với tổng số hộ dân toàn huyện; Tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 932 hộ, chiếm tỷ lệ 27,05 % so với tổng số hộ dân toàn huyện.

phát triển 354.865 triệu đồng, vốn sự nghiệp 194.622 triệu đồng⁽³¹⁾). Đồng thời, chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thành các thủ tục giao vốn, phê duyệt dự án, dự toán chi tiết và xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, phân đầu thực hiện giải ngân kế hoạch vốn với tỷ lệ cao nhất.

Tính đến ngày 30/6/2023, đã giải ngân vốn kế hoạch năm 2022 là 137.876 triệu đồng, đạt 51,85% dự toán Trung ương giao; giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 là 35.068 triệu đồng, đạt 12,4% dự toán Trung ương giao; Ước đến ngày 31/12/2023 đã giải ngân vốn kế hoạch năm 2022 là khoảng 255.911 triệu đồng, đạt 96,24% dự toán Trung ương giao; giải ngân kế hoạch năm 2023 khoảng 248.106 triệu đồng, đạt 87,49% dự toán Trung ương giao.

2.4. Kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình.

Tổng số hộ nghèo trên địa bàn toàn tỉnh tính đến cuối năm 2022 là 15.943 hộ, chiếm tỷ lệ 10,86% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh. Tổng số hộ thoát nghèo trong năm 2022 là 6.781 hộ, tương ứng tỷ lệ giảm hộ nghèo là 4,46% đạt 111,5% so với kế hoạch đề ra (*giảm ít nhất 4%/năm*)⁽³²⁾.

2.5. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện chương trình.

- Việc ban hành văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương về triển khai chương trình chưa kịp thời. Trung ương giao dự toán năm 2022 chậm so với thời hạn lập dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm dẫn đến khó khăn cho địa phương trong cân đối xác định nguồn lực đối ứng từ ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện chương trình và ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao; tỷ lệ giải ngân vốn thực hiện chương trình đạt thấp.

- Một số nội dung hướng dẫn triển khai mục tiêu, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội⁽³³⁾ chưa phù hợp với

⁽³¹⁾ Dự toán năm 2022 đã giao là 265.917 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 213.436 triệu đồng, vốn sự nghiệp 52.481 triệu đồng*); Dự toán năm 2023 đã giao là 283.570 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 141.429 triệu đồng, vốn sự nghiệp 142.141 triệu đồng*).

⁽³²⁾ **Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 ở các huyện nghèo:**

(1) Huyện Tư Mơ Rông: Tổng số hộ nghèo là 2.859 hộ, chiếm tỷ lệ 41,06% so với tổng số hộ dân toàn huyện; số hộ thoát nghèo là 742 hộ, tương ứng giảm 11,05%, đạt 138,13% .

(2) Huyện Kon Plông: Tổng số hộ nghèo là 2.744 hộ, chiếm tỷ lệ 36,00% so với tổng số hộ dân toàn huyện; số hộ thoát nghèo là 662 hộ, tương ứng giảm 8,4%, đạt 105,05%.

(3) Huyện Ia H'Drai: Tổng số hộ nghèo là 711 hộ, chiếm tỷ lệ 20,64% so với tổng số hộ dân toàn huyện; số hộ thoát nghèo là 686 hộ, tương ứng giảm 20,09%, đạt 251,14%.

⁽³³⁾ Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính⁽³⁴⁾ nên gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện⁽³⁵⁾.

- Đối với Tiêu dự án 3, Dự án 4: "Hỗ trợ việc làm bền vững" (*vốn đầu tư phát triển*): Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chưa có hướng dẫn cụ thể để địa phương xây dựng phần mềm thu thập, phân tích, dự báo và phổ biến thông tin thị trường lao động đảm bảo thống nhất, đồng bộ, tích hợp được với các phần mềm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng: (1) sản giao dịch việc làm trực tuyến, (2) cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc, (3) cơ sở dữ liệu người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác. Ngoài ra, Bộ cũng chưa có hướng dẫn cụ thể về yêu cầu đối với phần cứng (*danh mục trang thiết bị công nghệ thông tin, cấu hình tối thiểu cho từng loại thiết bị,...*) để đáp ứng các phần mềm nêu trên do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì xây dựng, nên địa phương chưa có cơ sở để tiến hành lập dự án đầu tư.

- Cấp ủy, chính quyền một số xã chưa thực sự quyết liệt, chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện chương trình; chưa có các giải pháp để huy động, tăng cường nguồn lực đầu tư cho chương trình (*như huy động sự hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân*).

- Một số hộ nghèo người đồng bào dân tộc thiểu số còn có phương thức sản xuất truyền thống, lạc hậu, chưa có điều kiện áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp; việc tiếp thu kiến thức tiến bộ kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất còn hạn chế; chưa mạnh dạn vay vốn để sản xuất, kinh doanh; ý thức vươn lên thoát nghèo còn hạn chế.

2.6. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

a) Nguyên nhân khách quan

- Do cơ chế chính sách quy định, hướng dẫn thực hiện chương trình giai đoạn 2021-2025 chưa được kịp thời và đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện, cũng như có nhiều quy định, chính sách mới nên việc tiếp cận, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện từ Trung ương đến cơ sở gặp khó khăn.

- Trung ương phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 tại thời điểm tháng 6 năm 2022, trong khi quy trình phân bổ tại các cấp cần phải được thực hiện đảm bảo theo trình tự và do một số cơ chế chính sách quy định về sử dụng ngân sách nhà

⁽³⁴⁾ Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

⁽³⁵⁾ Cụ thể: Chưa quy định rõ đối tượng, nội dung thanh toán kinh phí xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình; Tại khoản b Điều 16 Thông tư số 46/2022/TT-BTC quy định về việc hướng dẫn mua sắm phương tiện, thiết bị đào tạo được thực hiện theo Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành. Hiện nay, ngoài việc mua sắm trang bị thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp là rất cần thiết, thì nhu cầu mua sắm các phương tiện đào tạo dùng chung cho các cơ sở giáo dục dạy nghề hiện nay là rất lớn (*các hạng mục dùng chung như: Bàn, ghế; máy tính; máy chiếu; các phương tiện khác...*), nhưng trong các thông tư đã ban hành đều chưa có hướng dẫn nội dung này.

nước chưa được hoàn thiện nên khó khăn trong việc phân bổ và giải ngân nguồn vốn.

- Trong 6 tháng đầu năm 2023, một số văn bản, quy định của Trung ương hướng dẫn triển khai, thực hiện các Chương trình MTQG được sửa đổi, bổ sung. Vì vậy, địa phương cần có thời gian cập nhật, nghiên cứu để triển khai hoặc nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với các quy định vừa được các bộ, ngành Trung ương ban hành.

- Thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường đã ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của một bộ phận người dân và gây khó khăn cho các cơ quan, địa phương triển khai các chương trình, chính sách về giảm nghèo.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Các địa phương chưa có các giải pháp thiết thực để huy động, tăng cường nguồn lực đầu tư cho chương trình (*chủ yếu vẫn phụ thuộc vào ngân sách Trung ương*) như giải pháp phân bổ ngân sách địa phương, huy động sự tham gia hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân...

- Một số công chức cấp xã chưa dành thời gian nghiên cứu kỹ nội dung, phạm vi, đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của từng dự án, tiểu dự án được quy định tại các nghị định, thông tư, hướng dẫn thuộc chương trình dẫn đến công tác tham mưu triển khai thực hiện còn lúng túng, bị động.

- Một số văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương chưa cụ thể, chi tiết, còn dẫn chiếu đến nhiều văn bản khác đã gây khó khăn trong quá trình nghiên cứu và triển khai thực hiện.

- Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các địa phương của tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện chương trình và việc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản đôi lúc còn chậm, chưa kịp thời; việc giải quyết những bất cập, khó khăn ở địa phương có nội dung có lúc chưa kịp thời.

3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

3.1. Kết quả triển khai các nội dung thành phần của chương trình.

Căn cứ dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 và năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ giao, tỉnh Kon Tum đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo theo tiến độ của chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với nguồn lực được Trung ương giao (*cụ thể kết quả thực hiện của các dự án, tiểu dự án của chương trình có Phụ lục 09 kèm theo*).

3.2. Kết quả phân bổ và giải ngân vốn.

Căn cứ dự toán ngân sách Trung ương giao, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phân bổ, giao dự toán ngân sách Trung ương và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 và năm 2023 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đảm bảo theo yêu cầu, tiến độ của trung ương với tổng dự toán 299.540 triệu đồng (*trong đó:*

vốn đầu tư phát triển 239.180 triệu đồng, vốn sự nghiệp 60.360 triệu đồng⁽³⁶⁾). Đồng thời, chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thành các thủ tục giao vốn, phê duyệt dự án, dự toán chi tiết và xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, phân đầu thực hiện giải ngân kế hoạch vốn với tỷ lệ cao nhất. Tính đến ngày 30/6/2023, đã giải ngân vốn kế hoạch năm 2022 là 129.117 triệu đồng, đạt 80,09% dự toán Trung ương giao; giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 được 52.193 triệu đồng, đạt 37,73% so với kế hoạch.

3.3. Kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình.

- Đến nay, toàn tỉnh đã có 42 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới; 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10 thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và 19 thôn (*thuộc xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới*) đạt chuẩn thôn nông thôn mới; chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và chưa có huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, chưa có thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Kết quả rà soát theo Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Đến tháng 6 năm 2023, toàn tỉnh đã có 42 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 01 xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí; 36 xã đạt từ 10-14 tiêu chí; 06 xã đạt chuẩn dưới 10 tiêu chí. Bình quân đạt 15,32 tiêu chí/xã.

- Dự kiến đến năm 2025, hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới của địa phương. Cụ thể: Toàn tỉnh có từ 60 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Trong các xã đạt chuẩn nông thôn mới, có ít nhất 01 thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; 100% số xã đạt chuẩn 15 tiêu chí trở lên; các xã mỗi năm đạt thêm từ 1-2 tiêu chí trở lên theo Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới; 100% xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng Luật Hợp tác xã. Có 04 huyện và thành phố Kon Tum đạt chuẩn nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Có 50% số thôn (*làng*) vùng đồng bào dân tộc thiểu số được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí thôn nông thôn mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3.4. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện nội dung thành phần, các chương trình chuyên đề.

- Giai đoạn 2021-2025, mặc dù đã triển khai hơn 02 năm (2021 và 2022) nhưng đến cuối năm 2022 hệ thống văn bản quy định về cơ chế chính sách và hướng dẫn thực hiện chương trình (*tại cấp Trung ương và cấp tỉnh*) mới cơ bản hoàn thành. Trong thời gian đầu triển khai thực hiện còn chưa đủ cơ sở pháp lý đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện chương trình.

(36)

- Dự toán năm 2022 đã giao là 161.210 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 135.050 triệu đồng, vốn sự nghiệp 26.160 triệu đồng*).

- Dự toán năm 2023 đã giao là 138.330 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 104.130 triệu đồng, vốn sự nghiệp 34.200 triệu đồng*).

- Trong hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình của Trung ương có một số văn bản quy định còn mang tính chung chung và dẫn chiếu thực hiện theo nhiều văn bản khác, do đó rất khó trong việc nghiên cứu và áp dụng triển khai thực hiện, nhất là ở cấp xã. Một số cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện của các bộ, ngành Trung ương về triển khai thực hiện vẫn chưa đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình (*như: quy trình thực hiện, cơ chế hỗ trợ, thanh quyết toán nguồn ngân sách nhà nước; hướng dẫn thực hiện các nội dung Chương trình và tiêu chí nông thôn mới...*).

- Việc áp dụng đánh giá thực hiện theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 gặp một số khó khăn, với nhiều chỉ tiêu đạt chuẩn tương đối cao và bổ sung thêm nhiều chỉ tiêu mới so với giai đoạn trước nên cần phải có thời gian mới tổ chức thực hiện để đảm bảo đạt chuẩn⁽³⁷⁾, từ đó ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu của Chương trình. Hiện nay, sau khi rà soát, đánh giá thực trạng các tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, có một số tiêu chí mặc dù mới đạt chuẩn trong năm 2021 nhưng không còn duy trì đạt chuẩn, vì bộ tiêu chí mới có nhiều nội dung mới và mức độ đạt chuẩn cao hơn.

- Tình hình phân bổ, thực hiện và giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2022 cũng gặp nhiều khó khăn. Mặc dù Trung ương đã phân bổ vốn từ tháng 6/2022 và cấp tỉnh đã hoàn thành phân bổ vốn trong tháng 6 nhưng việc phân bổ chi tiết để triển khai thực hiện cần phải chờ quy định, hướng dẫn của Trung ương và địa phương (*như: quy định quản lý và sử dụng vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương, quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình...*). Do đó, trong năm 2022 không đảm bảo thực hiện và giải ngân theo kế hoạch vốn năm 2022.

- Việc áp dụng quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính còn nhiều bất cập, dẫn đến khó thực hiện; có nội dung thực tế cần bố trí kinh phí để thực hiện nhưng chương trình lại không quy định nội dung thực hiện, như: Việc quy định ngân sách Trung ương hỗ trợ cho hoạt động tổ chức, quảng bá, xúc tiến thương mại theo quy định tại Thông tư 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia (*trong khi Thông tư này là quy định về tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại*); quy định viện dẫn nội dung chi, mức chi theo các quy định khác, trong đó có quy định đã hết hiệu lực; Chương trình không quy định hỗ trợ kiểm định chất lượng nước sạch, trong khi yêu cầu tiêu chí phải có tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch...

- Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 01 huyện (*huyện Tư Mơ Rông*) chưa có xã đạt nông thôn mới; có 01 xã có số tiêu chí đạt chuẩn dưới 10 tiêu chí; có 31/85

⁽³⁷⁾ Trong năm 2022 chủ yếu tập trung công tác quy định mức đạt chuẩn tiêu chí áp dụng tại địa phương và ban hành hướng dẫn triển khai thực hiện.

xã có số tiêu chí đạt chuẩn từ 10 đến 14 tiêu chí, đặc biệt là hầu hết các xã đều chưa đạt chuẩn tiêu chí về thu nhập và nghèo đa chiều. Để phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2025 toàn tỉnh không còn xã đạt chuẩn dưới 15 tiêu chí và huyện Tu Mơ Rông có từ 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới trở lên là rất khó khăn, cần phải có sự ưu tiên tập trung đầu tư, hỗ trợ của nhà nước. Hầu hết những địa phương này thuộc địa bàn xã đặc biệt khó khăn, nguồn vốn thực hiện chủ yếu là lồng ghép từ 02 chương trình mục tiêu quốc gia còn lại.

- Hầu hết các xã của tỉnh còn lại chưa đạt chuẩn xã nông thôn mới là những xã đặc biệt khó khăn, với gần 100% dân số là người đồng bào dân tộc thiểu số, có điều kiện sinh hoạt và sản xuất rất khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, thu nhập thấp. Trong khi đó, theo quy định sau khi đạt chuẩn nông thôn mới sẽ là xã khu vực I thì đồng nghĩa với việc một số chính sách hỗ trợ đối với người dân sẽ bị cắt giảm ngay khi được công nhận nông thôn mới mà không có lộ trình sẽ phần nào ảnh hưởng đến tâm lý người dân.

3.5. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

a) Nguyên nhân khách quan

- Do cơ chế chính sách quy định, hướng dẫn thực hiện chương trình giai đoạn 2021-2025 chưa được kịp thời và đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện.

- Là những năm đầu thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 với nhiều tiêu chí, chỉ tiêu mới, mức đạt chuẩn cao nên trong một thời gian ngắn chưa thể thực hiện đạt tiêu chí và một số tiêu chí đã đạt chuẩn trước đây nhưng không đáp ứng được theo mức quy định mới.

- Trung ương phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 tại thời điểm tháng 6 năm 2022, trong khi quy trình phân bổ tại các cấp cần phải được thực hiện đảm bảo theo trình tự và do một số cơ chế chính sách quy định về sử dụng ngân sách nhà nước chưa được hoàn thiện nên khó khăn trong việc phân bổ và giải ngân nguồn vốn.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tuyên truyền, vận động có lúc, có nơi chưa có chiều sâu; phương thức, cách thức tuyên truyền chưa đa dạng, dẫn đến nhận thức của một số người dân chưa cao và Phong trào chung tay xây dựng nông thôn mới chưa đạt hiệu quả cao.

- Các địa phương chưa có các giải pháp thiết thực để huy động, tăng cường nguồn lực đầu tư cho chương trình (*chủ yếu vẫn phụ thuộc vào ngân sách Trung ương*) như giải pháp phân bổ ngân sách địa phương, huy động sự tham gia hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân...

- Một số địa phương, nhất là cấp xã chưa thật sự vào cuộc một cách quyết liệt, chỉ đạo còn chung chung, chưa phát huy sức mạnh của tập thể, hệ thống chính trị để vận động Nhân dân chung sức xây dựng nông thôn mới.

- Một số tổ chức đoàn thể các cấp, các sở, ngành chuyên môn chưa có sự phối hợp tốt với địa phương trong việc giúp đỡ, hỗ trợ thực hiện theo nhiệm vụ được giao.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện.

4.1. Về công tác thông tin, tuyên truyền việc triển khai thực hiện.

Công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục được đẩy mạnh và thực hiện thường xuyên, sâu rộng. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch truyền thông, tuyên truyền các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025⁽³⁸⁾.

Tỉnh Kon Tum đã tổ chức phát động và triển khai Cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững” gắn với triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Kon Tum chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025⁽³⁹⁾ và Kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025⁽⁴⁰⁾.

Định kỳ đầu năm, tỉnh tổ chức Lễ ra quân phát động phong trào xây dựng nông thôn mới, phong trào chỉnh trang đô thị, các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh và đạt được nhiều kết quả, thu hút sự quan tâm, tham gia của cả hệ thống chính trị, xã hội và đông đảo tầng lớp Nhân dân trên địa bàn.

4.2. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và năm 2022, năm 2023 theo quy định. Theo đó, năm 2022 đã thành lập 03 Đoàn kiểm tra và trong tháng 04 năm 2023 đã thành lập 06 Đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo tỉnh để đánh giá kết quả thực hiện các chương trình tại các địa phương. Qua kiểm tra đã kịp thời có các kiến nghị, hướng dẫn, xử lý các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy tiến độ thực hiện các chương trình, đồng thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 4 kết quả thực hiện các chương trình MTQG năm 2022, báo cáo phục vụ giám sát của Quốc hội, giám sát, khảo sát của Đoàn và đại biểu Quốc hội tỉnh theo quy định.

⁽³⁸⁾ Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình Truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 2973/KH-UBND ngày 08/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai các hoạt động truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 2980/KH-UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện công tác truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽³⁹⁾ Kế hoạch số 2017/KH-UBND ngày 28/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽⁴⁰⁾ Kế hoạch số 2344/KH-UBND ngày 21/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngoài ra, tỉnh đã triển khai thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các chương trình MTQG phục vụ các đoàn giám sát, đánh giá, kiểm tra, khảo sát của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam... phục vụ các phiên họp của Ban Chỉ đạo Trung ương về các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, Hội nghị trực tuyến toàn quốc về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện 03 chương trình MTQG...

Rà soát, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm toán về tình hình quản lý, điều hành các Dự án công trình hạ tầng được Chính phủ Ai-len tài trợ thuộc Chương trình 135 (*trong năm 2022*); kiểm toán Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*năm 2023*).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Kết quả đạt được.

Nhìn chung, việc triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã được cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, đã sớm hoàn thành việc thành lập Ban Chỉ đạo các cấp, xây dựng chương trình công tác, các kế hoạch triển khai thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, từ đó tạo sự nhất quán, xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã. Kịp thời ban hành các văn bản quản lý, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình theo quy định. Qua đó, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình trên địa bàn tỉnh, thể hiện ở các mặt sau đây:

- Việc triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn của Trung ương và cụ thể hóa thành các quy định, hướng dẫn của địa phương được thực hiện một cách chủ động, tập trung. Đến nay, tỉnh đã ban hành cơ bản đầy đủ, kịp thời các văn bản quản lý, điều hành thực hiện các chương trình MTQG theo quy định.

- Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh, huyện và 03 Tổ công tác của 03 chương trình MTQG được sớm thành lập. Đã ban hành quy chế hoạt động, chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị thành viên một cách cụ thể. Văn phòng điều phối Chương trình nông thôn mới cấp tỉnh, cấp huyện được tiếp tục duy trì. Ở cấp xã, các địa phương đã triển khai công tác kiện toàn, thành lập Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã, Ban phát triển thôn đảm bảo năng lực quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc các chương trình. Qua đó, thực hiện tốt nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, điều phối, đảm bảo các chương trình được triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng mục tiêu đã được phê duyệt. Công tác phối hợp giữa cơ quan tổng hợp, cơ quan quản lý và cơ quan thực hiện chương trình MTQG, giữa các sở, ngành và địa phương, giữa các thành viên Ban Chỉ đạo các cấp được triển khai bài bản, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của địa phương, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện chương trình. Trách

nhệm của cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình MTQG các cấp được tăng cường.

- Việc lồng ghép về chỉ đạo, điều hành; đối tượng; nguồn lực; xác định địa bàn, đối tượng thực hiện các chương trình: Đã sớm ban hành các quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện các chương trình giai đoạn 2021-2025; Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình giai đoạn 2021-2025; việc triển khai thực hiện các chương trình MTQG được cụ thể hóa thành các kế hoạch hàng năm, 05 năm giai đoạn 2021-2025 và các chương trình, kế hoạch chuyên đề về thông tin, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng, các phong trào thi đua,...

- Cơ chế đặc thù trong việc triển khai các chương trình MTQG được ban hành cơ bản đầy đủ, kịp thời. Đã ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình giai đoạn 2021-2025, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và áp dụng các thiết kế sẵn có đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù. Các cơ quan chuyên môn đã ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình 09 loại công trình áp dụng cơ chế đặc thù; ban hành quy định về thanh quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành nghị quyết về tỷ lệ dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025; hiện đang hoàn thiện các quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, quy định về quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù.

- Đã chủ động cân đối, bố trí ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các chương trình MTQG.

- Công tác kiểm tra, giám sát được chú trọng triển khai thực hiện, được cụ thể hóa thành kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện từng chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và hàng năm; kịp thời đánh giá, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình triển khai thực hiện các chương trình theo quy định, yêu cầu; kịp thời rà soát, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm toán của cơ quan Kiểm toán Nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

- Tiến độ xây dựng, ban hành thể chế, chính sách quản lý, tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của bộ, ngành Trung ương chưa đồng bộ, kịp thời. Một số thông tư, văn bản của bộ, ngành Trung ương còn thiếu một số quy định, hướng dẫn chi tiết hoặc hướng dẫn chưa phù hợp với một số quy định theo pháp luật chuyên ngành⁽⁴¹⁾ hoặc chưa có sự

⁽⁴¹⁾ Trong thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hướng dẫn về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại các Văn bản số 2184/BGDĐT-GDĐT ngày 26/5/ năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Văn bản số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa phù hợp quy định của Luật Đầu tư công.

thống nhất trong hướng dẫn thực hiện một số dự án, nội dung, hoạt động⁽⁴²⁾,... đã gây khó khăn và ảnh hưởng đến việc triển khai các khâu phân bổ, giao kế hoạch thực hiện, giải ngân vốn các chương trình tại địa phương. Bên cạnh đó, Trung ương yêu cầu các địa phương khẩn trương hoàn thiện các quy định liên quan đến các chương trình, một số quy định hoàn thiện và ban hành trong thời gian ngắn dẫn đến thiếu chặt chẽ, đầy đủ phải điều chỉnh, bổ sung khi cơ quan Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn mới.

- Trung ương phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện 03 chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 chậm, trong khi kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương đã được phân bổ hết để thực hiện các dự án, nhiệm vụ của địa phương từ năm 2021, gây nhiều khó khăn cho địa phương trong cân đối xác định nguồn lực đối ứng từ ngân sách địa phương, huy động nguồn lực hợp pháp để thực hiện các chương trình.

Dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 được giao vào giữa năm và khá lớn, gây bị động cho địa phương trong xác định nội dung, hoạt động, danh mục dự án đầu tư, kế hoạch vốn đối ứng,... một số nội dung đã quá thời vụ sản xuất (*hỗ trợ phát triển sản xuất, trồng rừng*) hoặc thiếu cơ sở pháp lý để phê duyệt dự án, dự toán chi tiết, dẫn đến không thể triển khai thực hiện, qua đó ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn được giao.

- Theo quy định, địa phương ban hành kế hoạch thực hiện các chương trình giai đoạn 05 năm trong đó phải làm rõ khả năng huy động vốn thực hiện, gồm: Vốn ngân sách nhà nước (*ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương*), vốn tín dụng, vốn huy động khác. Bên cạnh đó, theo quy định tại các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và quy định tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương từng chương trình, địa phương phải cân đối, bố trí vốn đối ứng trên cơ sở vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương hàng năm và giai đoạn. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, địa phương mới được Trung ương giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển, mục tiêu giai đoạn 2021-2025, chưa được giao kế hoạch vốn sự nghiệp giai đoạn 2021-2025. Do vậy, địa phương gặp khó khăn trong thực hiện quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

- Điều kiện địa hình khu vực nông thôn của tỉnh không thuận lợi, xuất phát điểm thấp. Do đó, nhu cầu nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới, thực hiện các mục tiêu giảm nghèo và các chính sách vùng đồng bào dân tộc thiểu số

(42)

- Trong thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Nội dung khoán bảo vệ rừng tại Thông tư số 12/2022/TT-BNN ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa thống nhất với quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính; Nội dung về đối tượng đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học tại Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc chưa phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 5 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Quy định về một số chỉ tiêu thực hiện tiêu chí “Hành chính công” trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới chưa có sự thống nhất với Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

là rất lớn, nhưng việc huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách đầu tư trong thời gian qua còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

- Chất lượng xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo chưa thật sự bền vững. Một số xã đã được công nhận đạt chuẩn giai đoạn 2016-2020 đến nay lại không đạt chuẩn đầy đủ các tiêu chí theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Số hộ tái nghèo, hộ nghèo phát sinh mới hàng năm còn cao.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan chủ trì chương trình và các địa phương có lúc chưa được chặt chẽ, đồng bộ. Trong công tác hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc chương trình của các cơ quan chủ trì chương trình; một số ít địa phương (*cấp huyện, cấp xã*) chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa của chương trình mục tiêu quốc gia, thiếu sự chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Khối lượng văn bản quản lý, điều hành thực hiện các chương trình quá lớn, trong khi đó đơn vị, địa phương các cấp phải vừa nghiên cứu tham mưu triển khai thực hiện các chương trình, vừa hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn khác. Thời gian qua, địa phương các cấp phải chấp hành nhiều chế độ, hình thức báo cáo các chương trình với dung lượng, nội dung báo cáo lớn,... theo yêu cầu của các cơ quan Trung ương đã gây áp lực lớn cho đội ngũ cán bộ, công chức, ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu, tham mưu tổ chức triển khai các chương trình.

Việc yêu cầu báo cáo trực tuyến trên Hệ thống quốc gia về đầu tư công còn nhiều bất cập. Nguyên nhân là do số lượng dự án thuộc các chương trình MTQG rất lớn, đa số được phân cấp về cấp huyện, xã quyết định đầu tư, nội dung báo cáo yêu cầu số liệu cụ thể, chi tiết của từng dự án,... và cập nhật hàng tháng, trong khi chỉ cấp 01 tài khoản/tỉnh để nhập số liệu, gây áp lực lớn cho cơ quan được giao báo cáo (*Sở Kế hoạch và Đầu tư*), không đáp ứng nguyên tắc “*đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở*” theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Mặt khác, các đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến báo cáo và đề xuất những tồn tại trong việc thực hiện nhiệm vụ của từng chương trình, dự án; tổng hợp báo cáo chưa đầy đủ theo đề cương, biểu mẫu hướng dẫn, báo cáo còn thiếu thông tin, thiếu nguồn vốn, chậm tiến độ, dẫn đến khó khăn trong công tác tổng hợp báo cáo định kỳ cho cấp có thẩm quyền.

Đồng thời, trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã gặp các khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng tới kết quả thực hiện 03 chương trình, tập trung vào các nhóm vấn đề: (1) Nhóm khó khăn liên quan đến tổ chức triển khai thực hiện; (2) Nhóm nội dung liên quan đến thể chế, chính sách; (3) Khó khăn, vướng mắc khác (*cụ thể có Phụ lục 10 gửi kèm*).

4. Bài học kinh nghiệm.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và người đứng đầu, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các

chương trình MTQG được thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; quán triệt, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về các chương trình MTQG một cách hiệu quả.

- Kịp thời cụ thể hóa các quy định của Trung ương, hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách, quy định theo thẩm quyền của địa phương làm cơ sở quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình trên địa bàn; kịp thời xử lý, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong thực hiện.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị; nâng cao chất lượng công tác phối hợp trong chỉ đạo, điều hành thực hiện các chương trình MTQG thông qua hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp.

- Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, huy động cả hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tăng cường phân cấp, trao quyền, phát huy tính chủ động của chính quyền cơ sở trong xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các thủ tục đầu tư; kịp thời phân bổ, giao kế hoạch vốn và thực hiện đồng bộ các giải pháp triển khai thực hiện các chương trình MTQG. Phát huy vai trò chủ thể, sáng tạo, nỗ lực vươn lên của người dân; khuyến khích thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù, cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với năng lực đảm nhận của cán bộ và người dân địa phương.

- Có giải pháp, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm chương trình, đặc biệt ưu tiên cho cán bộ cấp huyện, cấp xã, thôn. Việc đào tạo cần tập trung vào các kỹ năng lập kế hoạch, lập, thẩm định dự án, quản lý tài chính, các kỹ năng về mua sắm, đấu thầu và giám sát việc triển khai thực hiện các dự án.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giám sát, đánh giá, thu thập, xử lý thông tin về kết quả thực hiện các chương trình. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện, sử dụng nguồn lực, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh vi phạm, nâng cao hiệu quả đầu tư, hiệu lực chấp hành pháp luật trong triển khai thực hiện các chương trình.

- Tăng cường sự tham gia của người dân, cộng đồng để nâng cao hiệu quả hoạt động và sử dụng nguồn lực của chương trình. Người dân và cộng đồng tham gia vào quá trình xác định nhu cầu, đối tượng thụ hưởng, lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình. Tiếp tục phát huy nỗ lực vươn lên, khuyến khích sự chủ động tham gia của người dân cùng với việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quá trình sử dụng và phân bổ nguồn lực, thực thi các chính sách, các dự án.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên trong triển khai thực hiện các chương trình MTQG, đặc biệt trong triển khai các phong trào, Cuộc vận động về xây dựng nông thôn mới,

giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân với kết quả thực hiện từng chương trình; thực hiện các hoạt động giám sát, phản biện xã hội đối với quá trình tổ chức triển khai thực hiện các chương trình ở các cấp theo quy định.

Phần 4

GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. GIẢI PHÁP.

1. Về công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện chương trình.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp truyền thông, thông tin về các chương trình MTQG gắn với thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động: “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững”, Cuộc vận động: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; và Phong trào thi đua: “Kon Tum chung sức xây dựng nông thôn mới”, Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025, tạo sự lan tỏa trong cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

2. Về công tác xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, các văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chương trình.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc xây dựng, ban hành hoặc trình ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn thực hiện các chương trình MTQG.

3. Về công tác quản lý, chỉ đạo điều hành; công tác lồng ghép, phối hợp các chương trình MTQG.

- Triển khai hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của các chương trình NTQG giai đoạn 2021-2025. Phấn đấu thực hiện đạt và vượt các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện các chương trình.

- Tăng cường lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng mục tiêu trong phân bổ; sử dụng nguồn lực đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, tránh chồng chéo, dàn trải, hiệu quả thấp.

4. Về lập kế hoạch, thẩm định, phê duyệt, huy động nguồn lực, giải ngân vốn thực hiện các Chương trình MTQG; về triển khai thực hiện các dự án, chính sách, nội dung thành phần, chương trình hỗ trợ...

- Chủ động xây dựng kế hoạch, hoàn thành việc phân bổ, giao kế hoạch vốn hàng năm ngay sau khi được Trung ương giao dự toán, kế hoạch. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương chuẩn bị tốt công tác kế hoạch, khẩn trương hoàn thành các thủ tục phê duyệt dự án đầu tư, dự toán chi tiết thực hiện các chương trình theo quy định, đảm bảo sử dụng vốn ngân sách nhà nước hiệu quả, tập trung.

- Rà soát, cân đối bố trí đủ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định. Huy động có hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện các chương trình. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Về công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình.

- Phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp trong chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc và tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và Nhân dân trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, chỉ đạo, giám sát giữa các cơ quan đơn vị cấp tỉnh và các địa phương; tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp để kịp thời chỉ đạo, đôn đốc, nắm bắt, xử lý khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình MTQG.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các chương trình thông qua hoạt động chỉ đạo điều hành của Ban Chỉ đạo các cấp để kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp xử lý.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể các cấp, vai trò chủ thể của người dân trong giám sát, phản biện, triển khai thực hiện các chương trình MTQG.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, cơ quan Trung ương có liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đồng bộ từ trung ương tới địa phương.

- Tăng cường công tác phối hợp, chỉ đạo giữa các cơ quan trung ương và địa phương. Tiếp tục rà soát, kiện toàn, hoàn thiện cơ cấu tổ chức Ban Chỉ đạo Trung ương; tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp để kịp thời đôn đốc, chỉ đạo và nắm bắt, xử lý những vướng mắc khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình MTQG.

- Đảm bảo cân đối nguồn lực từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình MTQG. Nghiên cứu đổi mới cơ chế huy động vốn tín dụng chính sách và thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động các nguồn lực khác từ doanh nghiệp, các tổ chức, người dân, các đối tác nước ngoài.

- Có giải pháp phù hợp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn các chương trình MTQG và thực hiện tốt Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV.

- Hướng dẫn, xử lý, tháo gỡ 07 khó khăn, vướng mắc của tỉnh Kon Tum trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn (*cụ thể có Phụ lục 11 gửi kèm*).

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán thực hiện các chương trình tại các cấp.

2. Đối với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan ở Trung ương.

Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình MTQG theo thẩm quyền theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 666/TTg-QHDP ngày 18/7/2023 “Về việc khẩn trương thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy triển khai thực hiện 03 chương trình MTQG” nói chung và kiến nghị của tỉnh Kon Tum nói riêng (*chi tiết tại Phụ lục 11 và Phụ lục 12 gửi kèm*).

3. Đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan xem xét bổ sung Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện là đối tượng thụ hưởng của các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, vì theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp không bao gồm Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, mà Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là cơ sở giáo dục thường xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Giáo dục. Do đó, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp nên không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, một số hạng mục công trình, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện đào tạo từ nguồn vốn 03 chương trình MTQG⁽⁴³⁾.

- Xem xét trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh giảm đối với chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giai đoạn 2021-2025 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (*Thủ tướng Chính phủ đã giao cho tỉnh Kon Tum lại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022*), cụ thể: điều chỉnh “4%” thành “3-4%”, vì tại Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19/5/2022 của Tỉnh ủy Kon Tum “về lãnh đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum”, Tỉnh ủy đã lãnh đạo thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm từ 3-4%/năm trong giai đoạn 2021-2025 và căn cứ trên tình hình thực tế tại địa phương⁽⁴⁴⁾.

4. Đối với UBND tỉnh Kon Tum.

⁽⁴³⁾ Công văn số 1516/TCGDNN-KHTC ngày 31/7/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về giải quyết các vướng mắc trong thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.

⁽⁴⁴⁾ Tính đến cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 15.943 hộ, chiếm tỷ lệ 10,86% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh; dự kiến kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn toàn tỉnh đến cuối năm 2023 là 4,04%, tương ứng giảm 5.688 hộ nghèo, số hộ nghèo còn lại cuối năm 2023 là 10.255 hộ, chiếm tỷ lệ 6,82% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh. Nếu năm 2024, 2025 Chính phủ vẫn giao tỉnh Kon Tum giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 4%/năm thì khó có khả năng đạt mục tiêu Trung ương giao.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục theo dõi, chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh có liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp truyền thông, thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý, triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời phát hiện và xử lý những vướng mắc, khó khăn theo thẩm quyền các vấn đề mới phát sinh ngay từ cơ sở nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- Tiếp tục rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, ban hành mới, hoặc đề nghị HĐND tỉnh ban hành các quy định, hướng dẫn để quản lý theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành để tổ chức thực hiện các chương trình MTQG. Trước mắt, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh không còn phù hợp với các quy định có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chương trình MTQG; rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản để tổ chức thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh phù hợp với các quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và các địa phương trong tỉnh.

- Có giải pháp phù hợp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn các chương trình MTQG và thực hiện Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội “Về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV” và văn bản số 555/TTg-QHĐP ngày 16/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc thúc đẩy triển khai thực hiện 03 chương trình MTQG”.

- Đảm bảo cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương tối thiểu phải đảm bảo tỷ lệ đối ứng theo quy định đối với từng Chương trình.

- Tăng cường lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng mục tiêu trong phân bổ, sử dụng nguồn lực tại các địa phương đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng chéo, dàn trải, hiệu quả thấp. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc chuẩn bị công tác kế hoạch, khẩn trương hoàn thành các thủ tục phê duyệt dự án đầu tư, dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất và các nhiệm vụ khác trong thực hiện các chương trình MTQG theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong để thực hiện các chương trình MTQG tại các cấp, các ngành; phối hợp chặt chẽ với Kiểm toán Nhà nước trong thực hiện hoạt động kiểm toán thực hiện và sử dụng nguồn vốn các chương trình.

- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại địa phương về thực hiện dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý (nội dung Trung tâm giống tại tỉnh Kon Tum).

- Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền để có cơ sở triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn (*cụ thể có Phụ lục 13 gửi kèm*).

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (*báo cáo*);
- Đoàn giám sát của Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Kon Tum;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Lao động, Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh;
- Các ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, CTQH (*Vinh*).

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN

Phạm Đình Thanh